

CHỈ THỊ

**Về việc triển khai xây dựng Kế hoạch phát
triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Kế hoạch
đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020**

Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5316/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020 và số 5318/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014 về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020;

Để triển khai thực hiện tốt các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Ủy ban nhân dân các cấp (*huyện, xã*) và các doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh tập trung triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, với các nội dung cụ thể sau đây:

A. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

I. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 được xây dựng trên cơ sở đánh giá đúng tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, các Nghị quyết của Trung ương, của Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và trên cơ sở dự báo tình hình trong nước, thế giới và khu vực; từ đó xác định mục tiêu, định hướng phát triển của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 phù hợp với mục tiêu định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020 và với điều kiện thực tế của tỉnh. Những nội dung chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 gồm:

1. Về đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015

Trên cơ sở báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và khung theo dõi, đánh giá dựa vào kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các mặt; trong đó đặc biệt chú trọng các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp;

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015. Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

1.1. Tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015, trong đó làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu và các nhiệm vụ trọng tâm, định hướng phát triển đã đề ra, các khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch.

1.2. Các vấn đề đặt ra trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách lớn trong tái cơ cấu kinh tế. Tập trung đánh giá kết quả xây dựng hệ thống pháp lý, các đề án tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực; quá trình và kết quả thực hiện tái cơ cấu trên 3 lĩnh vực: Tái cơ cấu đầu tư, tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu thị trường tài chính. Đồng thời phải đánh giá tái cơ cấu trong nội bộ ngành, lĩnh vực, nhất là trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến, xuất khẩu, dịch vụ chất lượng cao,... Trong mỗi lĩnh vực nói trên, cần nêu bật các chủ trương, định hướng, chương trình kế hoạch tái cơ cấu, những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để rút kinh nghiệm cho giai đoạn tới.

1.3. Tình hình và kết quả thực hiện 3 đột phá lớn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy về đầu tư phát triển ba vùng kinh tế động lực; về xây dựng, phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh; về đầu tư phát triển các xã đặc biệt khó khăn; về phát triển lâm nghiệp bền vững; về xây dựng nông thôn mới, ... Trong đó cần làm rõ những kết quả đạt được so với mục tiêu kế hoạch đề ra. Đặc biệt phân tích sâu các nguyên nhân khách quan và chủ quan của các hạn chế, yếu kém trong triển khai thực hiện các đột phá trong các ngành, các cấp.

1.4. Tình hình và kết quả thực hiện các cân đối về tài chính, tiền tệ; cân đối thu chi ngân sách nhà nước; quản lý nợ chính quyền địa phương. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các nguồn vốn đầu tư.

1.5. Những kết quả về phát triển và đổi mới giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước; bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, y tế, thông tin, văn hóa, thể dục thể thao, bảo vệ trẻ em, phát triển thanh niên, chăm sóc người có công và bình đẳng giới; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng,... quản lý tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.6. Đánh giá về thực hiện các nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; các kết quả về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

1.7. Đánh giá về hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,...

2. Nội dung Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020

2.1. Mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 là: Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý với cơ cấu phù hợp với điều kiện của địa phương. Xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu thời kỳ phát triển tiếp theo. Nâng cao rõ rệt chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị; an ninh, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Phấn đấu xây dựng tỉnh Kon Tum ổn định, phát triển.

2.2. Định hướng phát triển và các nhiệm vụ chủ yếu

a. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm 2016 - 2020 tăng 8 - 9%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới giảm 4 - 5%/năm.

b. Thực hiện có hiệu quả Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tập trung xây dựng, phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của tỉnh; phát triển lâm nghiệp bền vững; đầu tư phát triển ba vùng kinh tế động lực; các xã đặc biệt khó khăn; xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá về: (i) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; (ii) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; (iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị.

d. Tiếp tục đổi mới, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng.

đ. Tăng nhanh tiềm lực và bảo đảm an ninh tài chính; lành mạnh hóa hệ thống tài chính; huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho phát triển kinh tế.

e. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục - đào tạo và phát triển mạnh khoa học - công nghệ. Phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng. Tập trung giảm nghèo bền vững. Thực hiện các chính sách lao động, việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Chủ động, tích cực phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát huy các di sản văn hóa dân tộc; tăng cường công tác thông tin truyền thông; phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao để nâng cao thể chất của người Việt Nam. Thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo; bình đẳng giới, nâng

cao vị thế của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; phát triển thanh niên.

f. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai.

g. Kết hợp phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Tạo môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

II. YÊU CẦU TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

1. Về tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015

Việc tổ chức đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011- 2015; các Nghị quyết của Chính phủ, của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch hàng năm.

Việc tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 phải huy động, phát huy được sự phối hợp của cả bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các cơ quan nghiên cứu khoa học, các hiệp hội và cộng đồng dân cư.

Việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 phải bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát đúng thực tiễn.

2. Về xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh phải bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế xã hội, phải bảo đảm điều kiện để thực hiện các mục tiêu định hướng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của các ngành, lĩnh vực và các địa phương phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển kinh tế xã hội các huyện, thành phố; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng huyện, thành phố.

Các mục tiêu, định hướng và giải pháp, chính sách trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 phải bảo đảm tính khả thi; sắp xếp thứ tự các mục ưu tiên.

Trong quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, các ngành và địa phương cần tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan nghiên cứu, các đoàn thể, các hiệp hội sản xuất và tiêu dùng, cộng đồng dân cư, các nhà tài trợ và các chuyên gia trong, ngoài nước.

Về kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm: Kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 có chất lượng.

III. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

1. Phân công trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020

1.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương:

a. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của các sở, ban, ngành; các huyện, thành phố và các doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh.

b. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức làm việc với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Theo dõi tình hình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, địa phương, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định.

c. Tổng hợp, xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trình Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh theo đúng tiến độ.

d. Nghiên cứu xây dựng Khung theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

2. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các cân đối lớn về tài chính, ngân sách nhà nước, trong đó bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách ở mức hợp lý, phân đầu theo tinh thần Kết luận Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (số 63-KL/TW ngày 27/5/2013).

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí kinh phí xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 cho các sở, ban, ngành, địa phương, bảo đảm nâng cao chất lượng các báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các sở, ban ngành liên quan, các địa phương và các doanh nghiệp Nhà nước:

a. Hướng dẫn các địa phương, đơn vị cơ sở thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và xây dựng Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

b. Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương và đơn vị phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và của ngành mình, cấp mình, đơn vị mình theo các nội dung và yêu cầu nói trên trình cấp có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo các cơ quan cấp trên theo tiến độ quy định.

2. Tiến độ xây dựng Kế hoạch

Căn cứ các hướng dẫn về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 do Trung ương ban hành, các sở, ban ngành, địa phương, doanh nghiệp Nhà nước tổ chức nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của sở, ban ngành, địa phương, doanh nghiệp mình; gửi bản sơ thảo báo cáo kế hoạch 5 năm đến Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **15/10/2014** để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **30/11/2014**. Các sở, ban ngành, địa phương, doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, hoàn thiện kế hoạch 5 năm của đơn vị mình gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **30/4/2015** để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, hoàn thiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X thông qua tại kỳ cuối năm 2015.

B. VỀ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

B1. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

Trên cơ sở Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 18/6/2014 và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các cấp (huyện, xã) và doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo quy định dưới đây:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Căn cứ Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, kế hoạch đầu tư phát triển các năm 2011 - 2015; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020; quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu, trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2011 - 2013, ước thực hiện năm 2014 và dự kiến kế hoạch năm 2015, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 của sở, ban ngành và địa phương quản lý phân theo từng nguồn vốn cụ thể; bao gồm: Kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước (*vốn ngân sách Trung ương và vốn cân đối ngân sách địa phương*); nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách Nhà nước (*nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền quyền sử dụng rừng, các khoản thu phí, lệ phí để lại cho đầu tư,...*); vốn trái phiếu Chính

phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn vay khác của ngân sách địa phương; vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Trong báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công cần báo cáo phân tích sâu các nội dung sau:

1. Tình hình triển khai thực hiện kế hoạch, ngành, lĩnh vực, chương trình dự án theo từng nguồn vốn so với kế hoạch được duyệt, bao gồm: Tình hình phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm, triển khai thực hiện, kết quả giải ngân, hoàn trả các khoản vốn ứng trước, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản,...; số lượng dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu; số lượng dự án thực hiện chậm tiến độ so với quyết định đầu tư và kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt; tình hình huy động các nguồn vốn đầu tư các thành phần kinh tế khác để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công;...

2. Cơ cấu đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng các nguồn vốn khác nhau trong giai đoạn 2011 - 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trong giai đoạn 2011 - 2015, trong đó làm rõ việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý đầu tư công trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 và các văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Các kết quả đầu tư công đã đạt được, như: Năng lực tăng thêm, nâng cao chất lượng dịch vụ công,... và những tác động tới việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 đã hoàn thành và bàn giao đi vào sử dụng.

5. Các khó khăn, vướng mắc và các tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện; phân tích sâu sắc các nguyên nhân khách quan và chủ quan; trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

6. Các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015.

II. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức lập kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 nguồn vốn ngân sách Nhà nước, bao gồm: Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương và Kế hoạch đầu tư vốn cân đối ngân sách địa phương; Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn trái phiếu Chính phủ; Kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; Kế hoạch đầu tư vốn vay khác của ngân sách địa phương và Kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo các quy định dưới đây:

1. Các căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng nguồn vốn

a. Tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 (bao gồm kế hoạch các năm 2011, 2012, 2013 và kế hoạch giai đoạn 2014 - 2015) theo từng nguồn vốn quy định tại mục I, phần B1 nêu trên.

b. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, ngành, lĩnh vực và địa phương; mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, ngành, lĩnh vực, địa phương (*trong điều kiện chưa có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì căn cứ vào Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 và các quy hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh; quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới làm căn cứ*).

c. Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013 - 2020 của địa phương; các đề án tái cơ cấu ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp nhà nước.

d. Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh về xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.

đ. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn và theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

e. Về cân đối nguồn vốn đầu tư công: Việc xác định tổng mức vốn đầu tư công theo từng nguồn vốn căn cứ vào dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 là 8 - 9%/năm, lạm phát khoảng 7%/năm. Dự kiến cân đối các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước:

Trên cơ sở chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, phân đấu theo tinh thần Kết luận Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (*số 63-KL/TW ngày 27/5/2013*); trước mắt trong lập kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020, dự kiến như sau:

+ Vốn đầu tư từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu (*chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu,...*) tăng bình quân 10%/năm so với kế hoạch năm trước do Thủ tướng Chính phủ giao.

+ Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của các huyện, thành phố (*không bao gồm tiền thu sử dụng đất*): Trong năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước phân đấu tăng khoảng 10% (*vốn này ổn định cho cả giai đoạn*), trong các năm sau giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu ngân sách địa phương mình và tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2016 - 2020 xác định cụ thể mức vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương theo hướng ưu tiên cho đầu tư phát triển, tăng bình quân hàng năm khoảng 7 - 10% so với kế hoạch năm trước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Đối với vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương: Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan quản lý nguồn thu để lại căn cứ vào tình hình và triển vọng phát triển kinh tế và nguồn thu, để dự kiến cụ thể, phân đấu tốc độ tăng đạt 12 - 15%/năm so với kế hoạch năm trước.

- Vốn trái phiếu Chính phủ; cân đối trên cơ sở nguồn vốn trái phiếu Chính phủ Thủ tướng Chính phủ đã giao bổ sung cho giai đoạn 2014 - 2016.

- Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước: Dự kiến tốc độ tăng trưởng khoảng 8%/năm so với kế hoạch năm trước.

- Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài căn cứ vào các hiệp định, các cam kết và dự kiến khả năng giải ngân các nguồn vốn của các nhà tài trợ trong giai đoạn 2016 - 2020 lập kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn này.

- Các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương: Không vượt quá tổng mức huy động theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

g. Dự báo tác động của tình hình thế giới và trong nước đến sự phát triển và khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư.

h. Cơ chế và chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020

a. Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện và các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu đã được phê duyệt.

b. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công;

c. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 do cấp có thẩm quyền quyết định.

d. Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các vùng kinh tế động lực theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; các vùng đặc biệt khó khăn; cơ sở hạ tầng khu trung tâm hành chính mới của tỉnh; hoàn trả các khoản vốn ngân sách Nhà nước ứng trước kế hoạch; các khoản vốn vay ngân sách địa phương.

đ. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

e. Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2015 và kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020.

g. Đối với việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, trong bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 phân đầu thanh toán cơ bản các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết ngày 31/12/2014. Từ năm 2015 trở đi, các sở, ban

ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công, không để phát sinh thêm nợ đọng xây dựng cơ bản.

h. Trong tổng số vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020, dự kiến dự phòng khoảng 15% ở các cấp để xử lý các biến cố do trượt giá, đầu tư các dự án khẩn cấp, các vấn đề phát sinh theo quy định của Luật Đầu tư công trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn vào từng năm cụ thể.

i. Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

k. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

3. Rà soát danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015 chuyển tiếp và các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020

a. Rà soát danh mục dự án chuyển tiếp đang được đầu tư từ vốn đầu tư công

- Các dự án thuộc đối tượng rà soát là các dự án đang được đầu tư trong kế hoạch đầu tư công đã được duyệt, được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư;

- Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án đang đầu tư theo từng nguồn vốn; chia ra nhóm các dự án: (1) *Danh mục dự án hoàn thành và đã bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn;* (2) *Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015;* (3) *Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020;* (4) *Danh mục dự án hoàn thành sau năm 2020.*

b. Rà soát danh mục các dự án khởi công mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Luật Đầu tư công có hiệu lực nhưng chưa được bố trí vốn. Các sở, ban ngành và địa phương tổ chức rà soát, lập danh mục các dự án khởi công mới theo từng nguồn vốn phân loại như sau:

- Dự án đã có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện.

- Dự án chưa có trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với các dự án này, phải thực hiện việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

c. Danh mục các dự án khởi công mới (*không bao gồm các dự án quy định tại tiết b nêu trên*) dự kiến bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020: Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã dự kiến danh mục và chuẩn bị các hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

4. Xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2014

a. Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã rà soát báo cáo tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án đầu tư công theo từng nguồn vốn đến hết ngày 31/12/2014.

b. Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để phát sinh các khoản nợ động xây dựng cơ bản từ ngày 01/01/2015 (*từ thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành*) bị xử lý vi phạm theo các quy định tại Luật Đầu tư công.

5. Lập danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 cho các dự án đầu tư công

a. Trên cơ sở các căn cứ và các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại điểm 1 và 2 của Mục II này, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã lựa chọn danh mục và bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2014 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

- Vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 chuyển sang giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng các quy định sau:

- + Sau khi đã xử lý thanh toán dứt điểm các khoản nợ động xây dựng cơ bản tính đến ngày 31/12/2014;

- + Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án thuộc đối tượng quy định tại tiết b điểm 3 trên đây.

- + Bảo đảm bố trí đủ vốn giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành chương trình, dự án theo tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

b. Đối với các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, bao gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương; vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không bố trí được kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020, cần rà soát phân loại và xử lý như sau:

- Nhóm 1: Đối với các dự án có khả năng chuyển đổi sang các hình thức đầu tư khác.

Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiến hành rà soát, phân tích và lập danh mục các dự án có khả năng chuyển đổi sang đầu tư theo hình thức hợp tác công tư hoặc các hình thức đầu tư khác, bao gồm: Các dự án có thể thu phí để hoàn vốn đầu tư; các dự án có thể thanh toán bằng quyền sử dụng đất; các dự án có thể bán hoặc chuyển nhượng cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Việc chuyển đổi hình thức các dự án đang được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn đầu tư công khác nhưng không đủ nguồn bố trí tiếp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải có kế hoạch, chương trình tổ chức kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài

nước đầu tư vào từng dự án cụ thể. Đề xuất phương án xử lý số vốn ngân sách Nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn đầu tư công khác đã bố trí cho các dự án chuyển đổi theo hướng: Nhà nước rút toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án, hoặc góp phần vốn đã đầu tư cùng doanh nghiệp để tiếp tục đầu tư dự án và cùng khai thác, hoặc chuyển toàn bộ vốn đã đầu tư vào dự án cho chủ đầu tư mới.

- Nhóm 2: Đối với các dự án không thể chuyển đổi được sang các hình thức đầu tư khác, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

- Nhóm 3: Các dự án đầu tư thật sự không hiệu quả thì không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

c. Đối với kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ: Hiện nay chưa có chủ trương mở mới các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016 - 2020. Do đó, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ tổng hợp danh mục các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ hoàn thành sau năm 2015, được bổ sung giai đoạn 2014 - 2016.

d. Đối với kế hoạch các khoản vốn vay của ngân sách địa phương: Việc bố trí vốn kế hoạch thực hiện theo quy định nêu trên, nhưng danh mục dự án phải thuộc danh mục các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương. Kế hoạch vốn đầu tư trung hạn 5 năm 2016 - 2020 nguồn vốn này phải phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư ngân sách địa phương 5 năm 2016 - 2020 và hoàn trả đúng hạn các khoản vốn vay.

B.2 ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 VÀ XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

Các cơ quan được giao là chủ chương trình, các sở, ban ngành, địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chương trình theo các nội dung dưới đây:

1. Tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, mục tiêu giai đoạn 2011 - 2015.

2. Tình hình phân bổ và giao vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 2011 - 2014; tình hình lồng ghép giữa các chương trình; tình hình huy động nguồn lực và lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chương trình giai đoạn 2011 - 2014 và dự kiến năm 2015.

3. Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015.

4. Các kết quả đạt được, trong đó làm rõ kết quả đạt được các mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các khó khăn, vướng mắc và các tồn

tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện, làm rõ các nguyên nhân khách quan, chủ quan và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân.

5. Các giải pháp, chính sách đến hết kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 nhằm thực hiện, tốt các mục tiêu của các chương trình đã đề ra.

II. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Theo hướng dẫn của Trung ương, do khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công 5 năm 2016 - 2020 có hạn, để bảo đảm tập trung nguồn vốn đầu tư công cho các chương trình thật sự cần thiết, không xé lẻ vốn cho nhiều chương trình và tạo điều kiện cho các bộ, ngành địa phương có quyền chủ động trong việc bố trí vốn tập trung, có hiệu quả, yêu cầu các cơ quan được giao là chủ chương trình đề xuất các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020 theo nguyên tắc sau:

1. Giai đoạn 2016 - 2020 chỉ thực hiện 2 chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Giảm tối đa số lượng chương trình mục tiêu trong giai đoạn 2016 - 2020 theo hướng lồng ghép các chương trình có cùng mục tiêu, nhiệm vụ. Trong từng ngành, lĩnh vực (*nếu cần thiết có chương trình mục tiêu*) Trung ương chỉ phê duyệt không quá 2 chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020.

III. XỬ LÝ ĐỐI VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Từ nay đến hết năm 2015, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tập trung chỉ đạo để hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng các dự án đầu tư dở dang; không mở thêm các dự án đầu tư mới. Trường hợp một số ít dự án dở dang có lý do khách quan, chưa thể hoàn thành trong năm 2015, bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác giai đoạn 2016 - 2020 để hoàn thành dứt điểm dự án hoặc các hạng mục quan trọng của dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

B3. TIẾN ĐỘ, PHÂN CÔNG TỔ CHỨC TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016 - 2020

I. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Trước ngày 31/8/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015, bao gồm cả đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và xây dựng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020.

2. Căn cứ Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức lập, thẩm định (*đối với cấp huyện, cấp xã*) kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp

mình quản lý báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét và hoàn chỉnh kế hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính **trước ngày 15/10/2014**.

3. Từ ngày 15/10/2014 đến ngày 15/11/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách Nhà nước (*ngân sách cấp tỉnh và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương*), vốn trái phiếu Chính phủ, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách Nhà nước (*thuộc ngân sách cấp tỉnh*) của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cấp tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến.

4. Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính **trước ngày 31/12/2014**.

5. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 31/5/2015**.

- Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 cấp tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính **trước ngày 30/6/2015**.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- a. Chủ trì hướng dẫn việc triển khai thực hiện Chỉ thị này và theo dõi, đôn đốc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình và tiến độ triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 theo thời gian quy định.

- b. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của địa phương, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt làm cơ sở để phân bổ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách Nhà nước ngay sau khi Trung ương ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

- c. Rà soát và tổng hợp Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng thời gian quy định.

- d. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cần thiết xử lý đối với các tồn tại của các dự án sử dụng vốn đầu tư công trong giai đoạn 2011 - 2015 nhưng phải giãn tiến độ thực hiện.

2. Sở Tài chính:

- a. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định nguồn thu và cân đối thu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, trong đó bảo đảm

chi đầu tư phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, phân đầu theo tinh thần Kết luận Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (số 63-KL/TW ngày 27/5/2013) và các cân đối tài chính có liên quan trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 15/11/2014**.

Đồng thời, chỉ đạo hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, cơ quan thuế tính toán xác định các nguồn thu và dự kiến cơ cấu chi ngân sách địa phương và các nguồn thu để lại cho đầu tư do địa phương quản lý.

b. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để làm cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết ngân sách nhà nước các cấp giai đoạn 2016 - 2020 ngay sau khi Trung ương ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

c. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

3. Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh Kon Tum chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đánh giá toàn bộ tình hình thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 và kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước 5 năm 2016 - 2020 theo thời gian quy định về lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 quy định tại mục I, Phần này, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 15/11/2014**.

4. Thủ trưởng các sở, ban ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan khác của Tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện để bảo đảm việc lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị hành chính - sự nghiệp thuộc tỉnh, doanh nghiệp Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nghiêm túc triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này. Trong quá trình triển khai có gì vướng mắc phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để có hướng dẫn cụ thể. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các sở, ban ngành; đơn vị HC-SN thuộc tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Lưu VT, KTTH2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng